

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: **87/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 28/10/2020

(V/v: *Ly hôn,
nuôi con chung*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thôi

2. Ông Nguyễn Văn Đô

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Thùy Chi - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 465/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, “V/v: *Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 477/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị A**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Dân phố B, phường C, thị xã D, tỉnh E.

Bị đơn: Ông **Phạm Thế F**, sinh năm 1974

Địa chỉ: khu phố G, phường H, thành phố I, tỉnh BT.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 9 năm 2020, bản tự khai ngày 09/10/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phan Thị A trình bày:

Bà và ông Phạm Thế F tự nguyện tìm hiểu, sống chung từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến khi bà có con thứ hai thì cuộc sống vợ chồng trở nên bất ổn, thường xảy ra xung đột, bất hòa trong cuộc sống, hay xảy ra cãi vã, xúc phạm danh dự của nhau. Ông bà đã tự sống riêng từ năm 2007 hiện nay thực tế không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay bà cảm thấy tình cảm đã hết, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Thế F.

Ông bà có 02 con chung là: Phạm Thúy J (giới tính: nữ), sinh năm:1995, đã trưởng thành; Phạm Thế K, (giới tính: nam), sinh ngày 21/7/2006. Sau khi ly hôn, bà muốn giao con chưa thành niên Phạm Thế K cho ông F trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Thế F trình bày:

Ông nghe rõ phần trình bày của bà A, ông bà sống chung năm 1995, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì nhiều lý do, hiện nay ông bà không còn sống chung, tình cảm đã hết từ lâu, con lớn Phạm Thúy J đã trưởng thành, con nhỏ Phạm Thế K đang sống chung ông tự nuôi mấy năm nay, ông và bà A không quan tâm đến nhau nữa, ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung Thế K, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân, không công nhận quan hệ giữa bà Phan Thị A và ông Phạm Thế F là quan hệ vợ chồng. Về con chung, giao con Phạm Thế K, (giới tính: nam), sinh ngày 21/7/2006 cho ông F trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi, ông F không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Bà A được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, về tài sản và nợ chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí bà Phan Thị A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Phan Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Phạm Thế F có nơi cư trú tại thành phố I; về con chung: bà yêu cầu được giao con chưa thành niên Thế Phú cho ông F tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và không cấp dưỡng nuôi con. Đây là vụ kiện “Ly hôn, nuôi con chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố I quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: bà Phan Thị A và ông Phạm Thế F chung sống vào năm 1995 và có hai con chung với nhau, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Đến nay ông, bà vẫn chưa đăng ký kết hôn đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị A và ông Phạm Thế F tự nguyện tìm hiểu chung sống vào năm 1995, có hai con chung với nhau nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn phát sinh, bà A bỏ đi, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, bà A ông F có quá trình chung sống như vợ chồng nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, bà có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đến nay ông, bà vẫn chưa đăng ký kết hôn đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà A, ông F không còn tình cảm, mâu thuẫn phát sinh ông bà tự sống riêng, không quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù mâu thuẫn trong cuộc sống giữa bà A và ông F đã thật sự trầm trọng nhưng HĐXX không thể cho ông bà ly hôn như yêu cầu mà cần phải áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà A, ông F có quan hệ vợ chồng là đúng theo quy định pháp luật.

[3.2]. Về con chung: ông bà có hai con chung là: Phạm Thúy J (giới tính: nữ), sinh năm: 1995, đã trưởng thành; Phạm Thế K, (giới tính: nam), sinh ngày 21/7/2006 hiện đang sống chung với ông F.

Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu K đang ở với ông F nên tiếp tục giao con chung Thế K cho ông F trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con ông F không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét. Bà A được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

[3.3]. Về tài sản chung và nợ chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí: Bà A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho bà tạm ứng án phí;

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 235 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 01 Điều 14, Điều 19, khoản 02 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ F hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Phan Thị A và ông Phạm Thế F là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: giao con Phạm Thế K, (giới tính: nam), sinh ngày 21/7/2006 cho ông F trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi, ông F không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Bà A được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí Bà Phan Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0007938 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố I.

4. Về quyền kháng cáo Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/10/2020).

Nơi nhận :

- VKS tp.Phan Thiết;
- Chi cục THADSTP Phan Thiết;
- UBND nơi các đương sự thường trú;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Ngọc